

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hỗ trợ gạo đảm bảo đời sống Nhân dân
trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và trong thời kỳ giáp hạt năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 5277/LĐTBXH-VP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tăng cường công tác đảm bảo an sinh xã hội trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 5524/SLĐTBXH-BTXH ngày 30 tháng 12 năm 2022; của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 172/STC-NSHX ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc hỗ trợ gạo đảm bảo đời sống Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và trong thời kỳ giáp hạt năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ gạo đảm bảo đời sống Nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và trong thời kỳ giáp hạt năm 2023, cụ thể như sau:

1. Nhu cầu hỗ trợ gạo trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và trong thời kỳ giáp hạt năm 2023

a) Trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão

- Số đơn vị được hỗ trợ: 03 huyện và 01 đơn vị cấp tỉnh;
- Số hộ được hỗ trợ: 2.517 hộ;
- Số khẩu được hỗ trợ: 13.701 khẩu;
- Thời gian hỗ trợ: 01 tháng;
- Mức hỗ trợ: 15kg/khẩu/tháng;
- Số gạo được hỗ trợ: 205.515kg.

b) Trong thời kỳ giáp hạt đầu năm 2023

- Số đơn vị được hỗ trợ: 03 huyện và 01 đơn vị cấp tỉnh;

- Số hộ được hỗ trợ: 1.187 hộ;
- Số khẩu được hỗ trợ: 8.316 khẩu;
- Thời gian hỗ trợ: tối đa không quá 03 tháng;
- Mức hỗ trợ: 15kg/khẩu/tháng;
- Số gạo được hỗ trợ: 265.065kg.

2. Kinh phí mua gạo và nguồn kinh phí thực hiện

a) Tổng số kinh phí: 6.588.120.000 (Sáu tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng)

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (dự kiến đối tượng tăng thêm và đảm bảo xã hội khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, bổ sung dự toán ngân sách cho đơn vị cấp tỉnh để thực hiện.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn các huyện (có thể phát theo đợt cho các hộ), các đơn vị tổ chức thực hiện.

3. Chủ tịch UBND các huyện Quan Hóa, Thường Xuân, Mường Lát và thủ trưởng đơn vị được hỗ trợ kinh phí mua gạo có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí đúng mục tiêu; thực hiện hỗ trợ gạo kịp thời, công khai, dân chủ, đúng đối tượng, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, theo quy định có sự giám sát của các tổ chức đoàn thể và các sở, ban ngành có liên quan. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và quy định hiện hành của pháp luật về số đối tượng, quản lý sử dụng nguồn kinh phí và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Quan Hóa, Thường Xuân, Mường Lát; Chủ tịch Hội Người mù tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VXB_{TXH03}



Đỗ Minh Tuấn

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA GẠO HỖ TRỢ ĐẢM BẢO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN
TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN QUÝ MÃO 2023 VÀ TRONG THỜI KỲ GIÁP HẠT ĐẦU NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số 223 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Đơn vị	Số hộ	Số khẩu	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Số gạo hỗ trợ 01 khẩu/tháng	Số gạo đề nghị hỗ trợ (kg)	Giá gạo (đ/kg) bao gồm cả thuế VAT và chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao nhận	Kinh phí hỗ trợ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=2x3x4</i>	<i>6</i>	<i>7=5x6</i>
	Tổng số	3.704	22.017			470.580		6.588.120
I	Nhu cầu hỗ trợ lương thực trong dịp Tết Nguyên đán	2.517	13.701			205.515		2.877.210
1	Huyện Quan Hóa	256	887	1	15	13.305	14,000	186.270
2	Huyện Thường Xuân	1.713	7.198	1	15	107.970	14,000	1.511.580
3	Huyện Mường Lát	548	2.909	1	15	43.635	14,000	610.890
4	Hội Người mù tỉnh (Cấp cho hội viên hội người mù)		2.707	1	15	40.605	14,000	568.470
II	Nhu cầu hỗ trợ lương thực trong thời kỳ giáp hạt đầu năm	1.187	8.316			265.065		3.710.910
1	Huyện Quan Hóa	141	516	3	15	23.220	14,000	325.080
2	Huyện Thường Xuân	498	2.184	1	15	32.760	14,000	458.640
3	Huyện Mường Lát	548	2.909	2	15	87.270	14,000	1.221.780
4	Hội Người mù tỉnh (Cấp cho hội viên hội người mù)		2.707	3	15	121.815	14,000	1.705.410

Ghi chú: Giá gạo tại Phụ lục này đã bao gồm cả thuế VAT và chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao nhận tại thời điểm tháng 01/2023